

Bản án số: 385/2020/DS-ST

Ngày: 29/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính.
2. Bà Trần Thị Bảo Hồng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2020/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2020/QĐST – DS ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị B

Địa chỉ: KDC số 4, Tổ dân phố 1, Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: 80/145 Đường 41, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn H; Địa chỉ: 165/6/8 Văn Thân, Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2020.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M

Địa chỉ: 115 (số cũ 18A) Hoàng Minh Đạo, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan: Ông Huỳnh Công T.

Địa chỉ: KDC số 4, Tổ dân phố 1, Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: 80/145 Đường 41, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trần Thị B có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn H trình bày:

Ngày 18/4/2017 ông Nguyễn Văn M có mượn của bà Trần Thị B số tiền 200.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền viết tay, hẹn trong vòng 20 ngày từ ngày 18/4/2017 đến ngày 08/5/2017 sẽ hoàn trả, không có thỏa thuận lãi suất. Giấy mượn tiền viết tay do vợ ông M ghi rồi chính ông M ký tên ghi họ tên, ở mặt sau ghi nhận việc ông M đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng cũng do vợ ông M ghi rồi chính ông M ký tên ghi họ tên.

Số tiền 200.000.000 đồng này là tiền riêng của bà B, không phải là tài sản chung của bà B và chồng bà B là ông Huỳnh Công T.

Sau đó ông M có trả được cho bà B số tiền 32.500.000 đồng nên hiện nay còn nợ lại số tiền 167.500.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn M trả cho bà Trần Thị B số tiền còn nợ là 167.500.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công T, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông M, ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông M, ông T không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thị B thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét đại diện nguyên đơn ông Trần Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Văn M; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Xét ông Nguyễn Văn M có ký vào giấy mượn tiền viết tay với nội dung theo như phía nguyên đơn đã trình bày. Tòa án đã thông báo việc thụ lý vụ án đến bị đơn và đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa làm việc nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện chỉ có bà B thực hiện việc cho mượn tiền với ông M, bà B trình bày số tiền 200.000.000 đồng cho mượn là tiền riêng của bà B không phải là tài sản chung của vợ chồng với ông Huỳnh Công T. Tòa án đã đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

nhưng ông T không có mặt tại Tòa mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà B trình bày số tiền 200.000.000 đồng cho mượn là tiền riêng của bà B, nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Xét giấy mượn tiền viết tay có chữ ký của ông M với nội dung theo như phía nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét nội dung giấy mượn tiền viết tay thể hiện việc ông M mượn bà B số tiền 200.000.000 đồng trong vòng 20 ngày từ ngày 18/4/2017 đến ngày 08/5/2017 và mặt sau thể hiện việc ông M xác nhận đã nhận số tiền 200.000.000 đồng. Như vậy ông M đã nhận số tiền 200.000.000 đồng từ bà B nhưng cho đến hôm nay chỉ trả được số tiền 32.500.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay căn cứ theo Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, phía nguyên đơn yêu cầu ông M trả số tiền còn nợ 167.500.000 đồng cho bà B là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu trên tổng số tiền thanh toán cho nguyên đơn; Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 40, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị B số tiền 167.500.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu là 8.375.00 đồng (Tám triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Trả lại cho bà Trần Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.188.000 đồng (Bốn triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0043617 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự..

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nhã